| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN HẢI HẬU**<br>**TỈNH NAM ĐỊNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 304/2020/HNGĐ-ST
Ngày 30-11-2020
V/v ly hôn, nuôi con khi ly hôn giữa anh T và Tr

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Vũ Văn Ái.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Ngọc Chinh;

Ông Đỗ Việt Hùng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Hồng Thắm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 30 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 249/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1990. Địa chỉ: Xóm Đoàn Mai, xã HP, huyện HH, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn*: Chị Đỗ Thị Tr, sinh năm 1992. Địa chỉ: Xóm 4B, xã HA, huyện HH, tỉnh Nam Định.

(Anh T xin vắng mặt; chị Tr vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 13-02-2020, bản tự khai ngày 13-10-2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Xuân T trình bày:

Anh Nguyễn Xuân T và chị Đỗ Thị Tr đăng ký kết hôn với nhau ngày 24-12-2010 tại Uỷ ban nhân dân xã HP, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, trên cơ sở

tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, anh T, chị Tr chung sống tại nhà mẹ đẻ anh T ở xóm Đoàn Mai, xã HP, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Vợ chồng chung sống đến ngày 20-3-2012, chị Tr tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xóm 4B, xã Hải Anh, huyện Hải Hậu để sinh sống mà không nói nguyên nhân tại sao. Sau khi chị Tr về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, anh T cùng gia đình đã nhiều lần đến động viên, khuyên bảo nhưng chị Tr không trở về chung sống cùng anh T và con chung. Bên cạnh đó, chị Tr còn có dấu hiệu ngoại tình, không chung thủy nên vợ chồng không tin tưởng nhau. Anh T, chị Tr đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2012 cho đến nay. Nay anh T nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa anh và chị Tr không còn nên làm đơn xin được ly hôn chị Tr.

*Về con chung:* Vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Thanh Hiền, sinh ngày 08-7-2011. Hiện nay, cháu Hiền đang ở với anh T. Khi ly hôn, anh T có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản*: Anh T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có nghĩa vụ chung về tài sản với cơ quan, tổ chức, cá nhân nào nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Toà án đã tống đạt Thông báo thụ lý số 249/TB-TLVA, ngày 13-10-2020; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ cho chị Đỗ Thị Tr nhưng chị Tr không đến Tòa án làm việc, không đưa ra lý do của sự vắng mặt và không gửi các văn bản trình bày ý của mình về yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Xuân T. Đồng thời, Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định cũng tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho chị Tr  nhưng đến nay chị Tr vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không có lý do.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, anh Nguyễn Xuân T có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn chị Đỗ Thị Tr đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T, chị Tr là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Xuân T và chị Đỗ Thị Tr là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự

nguyện và được Uỷ ban nhân dân xã HP, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 24-12-2010. Anh T, chị Tr chung sống đến ngày 20-3-2012 thì chị Tr tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xóm 4B, xã Hải Anh để sinh sống. Mặc dù sau khi bỏ đi, anh T đã động viên, khuyên nhủ nhiều lần nhưng chị Tr không trở về chung sống cùng anh T. Ngoài ra, trong thời gian sống ly thân, anh T không còn tin tưởng chị Tr vì cho rằng chị Tr không chung thủy, có quan hệ ngoại tình với người khác. Anh T và chị Tr đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2020 cho đến nay. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Tr.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh T và chị Tr thì thấy: Anh T, chị Tr đã sống ly thân trong thời gian dài, anh T và gia đình đã có những biện pháp hòa giải để đoàn tụ gia đình nhưng chị Tr không đồng ý. Mặt khác, chị Tr đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, chị Tr đã biết được việc anh T làm đơn xin ly hôn nhưng đến nay, chị Tr không có văn bản ghi ý kiến của mình gửi cho Tòa án và cũng không có mặt tại các buổi làm việc của Tòa án đã chứng tỏ chị Tr không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh T. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, cho anh Nguyễn Xuân T được ly hôn chị Đỗ Thị Tr là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Xuân T và chị Đỗ Thị Tr có con chung là cháu Nguyễn Thanh Hiền, sinh ngày 08-7-2011. Hiện con chung đang ở với anh T. Khi ly hôn, anh T đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu của anh T về việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung sau ly hôn thì thấy: Anh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung từ tháng 3 năm 2012 cho đến nay, cháu Hiền trên bảy tuổi có nguyện vọng xin được ở với anh T. Đến nay, chị Tr cũng không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Vì vậy, cần chấp nhận đề nghị của anh T: Giao con chung là cháu Nguyễn Thanh Hiền cho anh Nguyễn Xuân T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; chị Tr không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh T là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Do anh T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nghĩa vụ chung về tài sản với cơ quan, tổ chức, cá nhân nào, không yêu cầu Toà án giải quyết, đến nay chị Trân cũng không có ý kiến gì về việc giải quyết tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Xuân T nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Xuân T và chị Đỗ Thị Tr.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh Hiền, sinh ngày 08-7-2011 cho anh Nguyễn Xuân T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Chị Tr không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh T mà có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây anh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. (Hiện cháu Hiền đang do anh T nuôi dưỡng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Nguyễn Xuân T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số AA/2017/0002339 ngày 13-10-2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu; anh Nguyễn Xuân T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Nam Định: 1 bản;
- VKSND tỉnh+huyện: 2 bản;
- Chi cục THADS huyện: 1 bản;
- UBND xã HP: 1 bản;
- Các đương sự: 2 bản;
- Lưu hồ sơ + VP: 3 bản.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Văn Ái**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Việt Hùng** **Nguyễn Ngọc Chinh** **Vũ Văn Ái**